

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 02 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà H và ông Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Võ Thị Kim Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tú H, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

-Bị đơn: Ông Lý Chín Đ, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Tú H trình bày:

Bà và ông Lý Chín Đ chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp nhau, không còn chung sống với nhau đầu tháng 9 năm 2020. Bà Lê Thị Tú H cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý Chín Đ. Hôn nhân giữa bà và ông Lý Chín Đ có một người con chung có tên là Lý Lê Gia B, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018, hiện con thì ông Đ nuôi dưỡng một tuần, còn bà nuôi dưỡng hai tuần, hiện nay thì ông Đ đang nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, bà không yêu

cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện nay của bà là công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Trong quá trình chung sống bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Chín Đ trình bày:

Ông và bà Lê Thị Tú H chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh M, huyện T, tỉnh Tiền Giang, sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn. Ông không Đ ý ly hôn với bà Lê Thị Tú H vì ông còn thương bà H và người con chung, không muốn con phải sống xa cha hoặc mẹ, ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H.

Về con chung: Hôn nhân giữa ông và bà H có một người con chung như bà H trình bày là đúng. Ông Đ xác định: trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện nay của ông là sửa chữa điện thoại di động, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên đơn bà Lê Thị Tú H trình bày:

Bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lý Chín Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị Tú H và nơi cư trú của ông Lý Chín Đ, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Lê Thị Tú H và ông Lý Chín Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh M, huyện Tân P, tỉnh Tiền Giang vào năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Thị Tú H và ông Lý Chín Đ nhưng không thành. Ông Đ cho rằng ông còn thương vợ con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H nhưng ông Đ không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Bà H xác định bà không còn tình cảm với ông Đ, bà H giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông Đ. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó,

việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hôn nhân giữa bà H và ông Đ có một người con chung có tên là Lý Lê Gia B, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018, bà H, ông Đ cùng yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung. Ông Đ cho rằng nhà ông gần trường học, ông có điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn so với bà H để được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung nhưng ông Đ không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không đủ căn cứ xem xét yêu cầu của ông Đ. Mặt khác, người con chung có thời gian sống cùng với bà H nhiều hơn so với ông Đ nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Đồng thời, người con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó, giao cho bà H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lý Lê Gia B, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018, hiện nay do ông Đ đang nuôi dưỡng. Do đó, buộc ông Lý Chín Đ có nghĩa vụ giao người con chung có tên là Lý Lê Gia B cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lý Lê Gia B; Vì lợi ích của người con chung, bà H, ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà H, ông Đ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[4] Về nợ chung và tài sản chung: Bà H, ông Đ cùng xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Tú H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tú H về việc xin ly hôn với ông Lý Chín Đ.

Bà Lê Thị Tú H được ly hôn với ông Lý Chín Đ.

Về con chung: Bà Lê Thị Tú H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lý Lê Gia B, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018, hiện nay con do ông Đ đang nuôi dưỡng.

Buộc ông Lý Chín Đ có nghĩa vụ giao người con chung có tên là Lý Lê Gia B, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018 cho bà H nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lý Chín Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lý Lê Gia B, ngày 04 tháng 4 năm 2018, bà H cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Lý Chín Đ lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Tú H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lý Chín Đ.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà H, ông Đ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà H, ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Tú H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000722 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền

